

Bản án số: **86/2021/HS- ST**
Ngày: 15/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Hòa.**

Ông **Lường Văn Hịa.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12 ngày 10/3/2021 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân N**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1975, tại Thái Bình; Nơi cư trú: Bản Hát Hẹ, xã N N, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị T - sinh năm 1937; Bị cáo có vợ: Phan Thị H - sinh năm 1980 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án xét xử.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 20/12/2020 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (có mặt tại phiên tòa).

** Người có nghĩa vụ L quan trọng vụ án:*

- Ông **Lường Văn L** - sinh năm 1985; Địa chỉ: Bản Na Sang 2, xã N N, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- Ông **Trần Văn C** - sinh năm 1953; Địa chỉ: Bản Phú Ngam, xã N N, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 19/12/2020 bị cáo Nguyễn Xuân N đi bộ một mình từ

nhà ở bản Hát Hẹ, xã N N, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đi tìm mua Hồng phiến về sử dụng và bán kiếm lời. Khi đi đến khu vực đường đầu bản Tân Ngam, xã N N, Bị cáo gặp một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ) Bị cáo hỏi “Có ma túy bán không?” Người đàn ông trả lời “Có, mua gì?”. Nghe vậy Bị cáo đưa cho người đàn ông đó 1.000.000 đồng và nói “Bán cho 1.000.000 đồng Hồng phiến”. Người đàn ông cầm tiền và đưa lại cho Bị cáo một túi nilon màu xanh, miệng túi có nếp gấp cố định rồi nói “Bên trong có 50 viên Hồng phiến”. Sau khi bán Hồng phiến cho Bị cáo, người đàn ông đó đi đâu Bị cáo không biết. Bị cáo cất túi Hồng phiến vừa mua được vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi đi bộ về nhà. Về đến nhà, Bị cáo lấy ra 03 viên Hồng phiến màu hồng trong túi Hồng phiến vừa mua được rồi sử dụng hết bằng hình thức hút. Sử dụng xong, Bị cáo đổ Hồng phiến ra đếm được 47 viên, có viên còn N vụn, có viên không còn N vụn, sau đó Bị cáo cất Hồng phiến còn lại vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi sinh hoạt bình thường. Sáng ngày 20/12/2020, Bị cáo thức dậy, lấy ra 03 viên Hồng phiến trong túi Hồng phiến mua ngày 19/12/2020 rồi sử dụng hết bằng hình thức hút. Sử dụng xong, Bị cáo cất Hồng phiến vào chỗ cũ rồi làm việc nhà. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 20/12/2020, có Lường Văn L, sinh năm 1985, nơi cư trú: Bản Na Sang 2, xã N N, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đến nhà hỏi Bị cáo “Có Hồng phiến bán không?”. Bị cáo trả lời “Có đấy”. L nói “Em có 30.000 đồng thôi. Bán cho em một viên Hồng phiến đi”. Bị cáo nói “Ừ, đưa tiền đây”. L đưa cho Bị cáo 30.000 đồng gồm một tờ tiền 20.000 đồng và một tờ tiền 10.000 đồng. Bị cáo cầm tiền L đưa cất vào trong túi quần bên trái đang mặc rồi lấy túi Hồng phiến trong túi quần bên phải, lấy một viên Hồng phiến màu hồng, bị vỡ một góc ra, dùng nilon màu trắng gói, hàn kín lại đưa gói Hồng phiến cho L. Số Hồng phiến còn lại Bị cáo cất vào túi quần bên phải đang mặc. L cầm gói Hồng phiến Bị cáo bán đi đâu Bị cáo không biết. Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 20/12/2020, Trần Văn C, sinh năm 1953, nơi cư trú: bản Phú Ngam, xã N N, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đến nhà hỏi Bị cáo “Có Hồng phiến không? Bán cho hai viên”. Bị cáo nói “Có, 50.000 đồng một viên”. C đưa cho Bị cáo hai tờ 50.000 đồng. Bị cáo cầm tiền C đưa, cất vào trong túi quần bên trái đang mặc rồi lấy túi Hồng phiến trong túi quần bên phải đang mặc lấy ra hai viên Hồng phiến bị mẻ, không còn N vụn và dùng mảnh nilon màu trắng gói và hàn kín lại, sau đó đưa gói Hồng phiến cho C. Số Hồng phiến còn lại Bị cáo cất vào túi quần bên phải đang mặc. C cầm gói Hồng phiến Bị cáo bán cho, đồng ý mua rồi đi đâu Bị cáo không biết. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày khi Bị cáo đang ở nhà thì tổ công tác Công an xã N N, huyện ĐB vào kiểm tra, phát hiện, thu giữ trong túi quần bên phải Bị cáo đang mặc 01 túi nilon màu xanh, miệng túi có nếp gấp cố định, bên trong có 41 viên Hồng phiến màu hồng; Thu giữ tại túi quần bên trái Bị cáo đang mặc số tiền 130.000 đồng gồm: Hai tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, một tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, một tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, ngoài ra không phát hiện thu giữ gì khác. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện ĐB thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Bị cáo không thu giữ gì.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 20/12/2020 đã xác định: Khối lượng toàn bộ viên nén màu hồng nghi Methamphetamine thu giữ của Nguyễn Xuân N có khối lượng là **4,08** gam, (trích 0,19 gam gửi giám định không

hoàn lại, vật chứng còn lại 3,89 gam).

Tại bản kết luận giám định số 50/GĐ-PC09 ngày 28/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Hai mẫu viên màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Nguyễn Xuân N gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ của Nguyễn Xuân N là 4,08 gam Methamphetamine, Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSĐB ngày 22/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB truy tố bị cáo Nguyễn Xuân N về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ N quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo: Từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: **4,08** gam Methamphetamine (đã trích 0,19 gam gửi giám định không hoàn lại, vật chứng còn lại là 3,89 gam).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 130.000 đồng do Bị cáo phạm tội mà có.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa những người có nghĩa vụ L quan là ông Lường Văn L và ông Trần Văn C cũng đã khẳng định những lời khai của Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn đúng sự thật. Ngoài ra những người có nghĩa vụ L quan không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân N khai nhận

hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, lời khai của người có nghĩa vụ L quan, biên bản ghi lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 20/12/2020 tại bản Hát Hẹ, xã N N, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên Nguyễn Xuân N đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 4,08 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bán lẻ kiếm lời.

Ngoài lần phạm tội này ra, tại Cơ quan điều tra Bị cáo đã tự khai nhận trước đó đã bán trót lọt 02 lần: Lần thứ nhất bán cho đối tượng nghiện ma túy tên là Lương Văn L 01 viên Methamphetamine bị vớ một góc thu được 30.000 đồng; Lần thứ hai bán cho đối tượng nghiện ma túy tên là Trần Văn C 02 viên Methamphetamine bị mẽ thu được 100.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo Nguyễn Xuân N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật cần phải xử lý nghiêm. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...b) Phạm tội 02 lần trở lên”...

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi bán trái phép chất ma túy cũng như hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là N nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Xuân N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra Bị cáo đã tự nguyện khai báo ra lần phạm tội khi chưa bị phát hiện nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại tỉnh Thái Bình được gia đình nuôi ăn học hết lớp 03/12 thì nghỉ học ở nhà làm ruộng, phụ giúp gia đình. Năm 1986 chuyển lên sinh sống cùng gia đình tại Điện Biên.

Năm 1998 kết hôn với chị Phan Thị Hương và có 02 người con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006 đến năm 2010 thì ly hôn.

Ngày 20/12/2020 bị tổ công tác Công an xã N N, huyện DB bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan CSĐT- Công an huyện DB ra Quyết định khởi tố Bị cáo về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập chủ yếu dựa vào lao động sản xuất nông nghiệp ngoài ra không có thu nhập nào khác, nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: **4,08** gam Methamphetamine (đã trích 0,19 gam gửi giám định không hoàn lại, vật chứng còn lại 3,89 gam).

Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước số tiền 130.000 đồng do Bị cáo phạm tội mà có.

[6] Các vấn đề khác:

Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ do Bị cáo mua của một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ) ở khu vực đường đầu bản Tân Ngam, xã N N, huyện DB vào ngày 19/12/2020, quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện DB không có cơ sở để điều tra, xác minh làm rõ được. Vì vậy Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên HĐXX không xem xét xử lý.

Lường Văn L và Trần Văn C là những người đã mua ma túy của Bị cáo và cũng đã sử dụng hết. Ngày 17/01/2021 Công an huyện DB đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 06/QĐ-XPHC đối với Lường Văn L và số 07/QĐ-XPHC đối với Trần Văn C , hình thức phạt: Cảnh cáo. Xét việc xử phạt hành chính đối với các đối tượng trên của Công an huyện DB là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân N phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

- Xử phạt Bị cáo: **08 (tám)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (20/12/2020).

2. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: **4,08** gam Methamphetamine (đã trích 0,19 gam gửi giám định không hoàn lại, vật chứng còn lại 3,89 gam).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 130.000 đồng do Bị cáo phạm tội mà có.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện DB và Chi cục thi hành án dân sự huyện DB, tỉnh Điện Biên).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

